

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2251	506 Lê Minh Đạt	8/3/2009			Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2252	507 Phan Hoàng Giáp	1/2/2014			Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2253	508 Nguyễn Thiên Hưng Anh	17/02/2005			Suối Chồn	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2254	509 Phạm Thị Quỳnh như		2007		Bảo Vinh A	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
2255	510 Dương Trần Lan Anh		2008		Bảo Vinh A	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
2256	511 Dương Trần Hồng Anh		2008		Bảo Vinh A	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
2257	512 Đinh Ngọc Minh Nghĩa	17/10/2007			Bảo Vinh A	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
2258	513 Đinh Ngọc Minh Nhân	4/1/2005			Bảo Vinh A	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
2259	514 Nguyễn Hoàng Bảo Trân		6/9/2017		Suối Chồn	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	750.000	1.500.000	
2260	515 Phạm Thị Kim Anh		2/10/2003		Bảo Vinh A	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
2261	516 Đinh Thị Thủy Vy		4/10/2003		Bảo Vinh A	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
2262	517 Đinh Ngọc Tuấn	7/10/1999			Bảo Vinh A	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
2264	519 Võ Thị Muôn		20/10/1945		Ruộng Lớn	Người có đơn dưới 80 tuổi là hộ nghèo	450.000	1.500.000	
2265	520 Lê Thị Chin		12/1/1946		Bảo Vinh A	Người có đơn dưới 80 tuổi là hộ nghèo	450.000	1.500.000	
2267	522 (Hồ Nhật Anh 2006; Lâm Nhật Minh 2007)		01/01/1981		Ruộng Lớn	Người có đơn nuôi con nhỏ là hộ nghèo	600.000	1.500.000	
2268	1 Chi A Sáng	1/1/1920		270567534	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2269	2 Vòng A Sáng	1/1/1925		270567943	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2270	3 Vòng A Ứng	1/1/1920		270567869	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2271	4 Vòng Tân Lý	1/1/1924		270567760	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2272	5 Su Ly Kiu		1/1/1922	270567537	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2273	6 Lý Sâm Mùi		1/1/1925	270567868	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2274	7 Sỹ Xương Hào	20/2/1930		270575065	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2275	8 Lý Níp Công	1/1/1932		270575005	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2276	9 Lưu Cảnh	1/1/1925		272030057	KP. Bầu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2277	10 Lê Thị Phê	1/1/1931	1/1/1931	270567413	KP. Bầu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2278	11 Phạm Văn Hân	1/1/1923		270567415	KP. Bầu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2279	Trần Thị Chương		1/1/1927	272294880	KP. Bàu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2280	Diệp Tài		1/1/1929	270567384	KP. Bàu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2281	Lê Thị Sốt		1/1/1931	270292178	KP. Bàu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2282	Đào Thị Dăng		1/1/1929	Mất CMND	KP. Bàu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2283	Nguyễn Văn Tòng	1/1/1934		270567386	KP. Bàu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2284	Nguyễn Thị Cường		8/4/1933	270567144	KP. Bàu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2285	Nguyễn Thị Loan		1/1/1919	Mất CMND	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2286	Phan Thị Liễu		1/1/1920	Mất CMND	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2287	Phạm Thị Mơ		1/1/1930	272087190	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2288	Trần Đăng Sỡ	5/1/1928		271917093	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2289	Huỳnh Thị Năm		1/1/1931	270575504	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2290	Hoàng Thới	1/1/1934		Mất CMND	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2291	Nguyễn Thị Nga	1/1/1934	1/1/1934	270575724	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2292	Nguyễn Thị Sinh	1/1/1934	1/1/1934	270159459	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2293	Hồ Thị Sầu	2/5/1933	2/5/1933	270575536	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2294	Trần Môt	1/1/1935		270575406	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2295	Nguyễn Văn Khánh	1/1/1934		270537434	KP. Bàu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2296	Chiu A Mươi		6/6/1935	270567756	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2297	Vòng Long Sáng	1/1/1936		270567949	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2298	Thái Văn Huệ	1/1/1936		270567123	KP. Bàu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2299	Trương Thị Trừ		10/5/1926	272790707	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2300	Nguyễn Thị Mến		1/1/1937	270159385	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2301	Trần Thị Mạnh		1/1/1937	270159558	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2302	Dương Thị Xinh		1/1/1937	270159483	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2303	Lý Quế Trân		26/3/1937	270567964	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2304	Châu Lý Thủy	18/5/1937		270567920	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2305	Chí A Sám	4/6/1937		270567994	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2306	Lưu Cẩm Mùi		1/1/1935	271897454	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2307	Ngô Thị Kiếng		1/1/1927	272352149	KP. Bàu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2308	Lê Thị Kim Hồng		1/1/1938	272352149	KP. Bàu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2309	Nguyễn Thị Ngai		1/1/1938	270150382	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2310	Lê Thị Ba		1/1/1938	270575666	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2311	Hồ Thị Con		1/1/1938	272906893	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2312	Nguyễn Hữu Anh		2/4/1938	271631981	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2313	Nguyễn Văn Vinh		2/5/1938	270567410	KP. Bàu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2314	Lê Thị Phước		18/05/1938	270575626	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2315	Tôn Nữ Thị Nhân		20/10/1938	272014838	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2316	Nguyễn Văn Tim		1/1/1939	272634652	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2317	Nguyễn Thị Thuyền		1/1/1939	270567175	KP. Bàu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2318	Nguyễn Thị Lưu		1/1/1939	270537436	KP. Bàu Sen	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2319	Nguyễn Thị Yên		10/4/1939	270575520	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2320	Mai Thị Sao		10/6/1939	270834781	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2321	Trần Thị Khiếu		1/1/1940	270159471	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2322	Phạm Thị Bảy		1/1/1940	270567785	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2323	Hồ Thị Thu		4/1/1940	270542107	KP. Tân Thủy	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2324	Nguyễn Văn Liệu		11/4/1940	270575551	KP. Núi Đò	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2325	Nguyễn Thùy Linh		1/1/1976	Không có CMND	KP. Núi Đò	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2326	Phạm Lê Quỳnh Nhi		30/1/1987	Không có CMND	KP. Núi Đò	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2327	Dương Thị Ngọc Lê		1/1/1974	Không có CMND	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2328	Bùi Danh Báu Ngọc		1/1/1983	Không có CMND	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2329	Bùi Thị Thảo		25/11/1991	Không có CMND	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2330	Bùi Văn Hào		13/1/1995	Không có CMND	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2331	Lê Văn Lập		1/1/1986	Không có CMND	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2332	Trần Thị Ngọc Trang		20/7/1981	Không có CMND	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2333	Phạm Minh Khoa	16/4/1986		272136993	KP. Tân Thủy	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2334	Nguyễn Đức Hưng	21/10/1983		271851035	KP. Núi Đơ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2335	Lê Công Đình	16/8/1981		271379760	KP. Núi Đơ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2336	Trần Tân	8/4/1994		272336081	KP. Núi Đơ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2337	Vòng Hùng Năng	1/1/1978		271322077	KP. Tân Thủy	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2338	Lê Hải Đăng	1/1/1988		Không có CMND	KP. Núi Đơ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2339	Võ Thành Hiếu	3/13/1998		Không có CMND	KP. Núi Đơ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2340	Nguyễn Hữu An Nhiên	10/2/1986		271766283	KP. Núi Đơ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2341	Bùi Thanh Minh	09/09/1993		272336155	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2342	Lê Hữu Quân	26/8/2002		Không có CMND	KP. Núi Đơ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2343	Nguyễn Phương Uyên		4/1/2003	272905922	KP. Núi Đơ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2344	Trịnh Kim Thành	19/8/1987		271713145	KP. Tân Thủy	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2345	Nguyễn Thị Ngọc Dung		1/1/1995	Không có CMND	KP. Núi Đơ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2346	Phạm Gia Bảo	1/4/2006		Không có CMND	KP. Núi Đơ	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2347	Huỳnh Trần Ngọc Mai		25/6/2004	Không có CMND	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2348	Huỳnh Thanh Huy	28/7/2011		Không có CMND	KP. Núi Đơ	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2349	Phạm Nguyễn Minh Khôi	04/12/2012		Không có CMND	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2350	Trần Bảo Hán		25/09/2016	Không có CMND	KP. Núi Đơ	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2351	Trần Đăng Thịnh	15/09/2015		Không có CMND	KP. Núi Đơ	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2352	Chí A Nhi	12/2/1952		270567734	KP. Tân Thủy	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2353	Đặng Thị Ngã		1/1/1925	272163465	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/hệ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				T trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2354	Nguyễn Văn Thịnh	1/1/1922		Mất CMND	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2355	Nguyễn Phú Cung	1/1/1940		270567254	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2356	Phan Thị Ngân		1/1/1936	270567320	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2357	Lê Mộng Tùng	10/8/1950		270575400	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2358	Đào Văn Hùng	10/1/1955		270834827	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2359	Lộc Sập Nhì		1/1/1935	Mất CMND	KP. Tân Thủy	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2360	Vũ Thị Vui		1/1/1928	Mất CMND	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2361	Lý Sỹ Năng	1/1/1920		270722661	KP. Tân Thủy	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2362	Mã Chi Lông	1/1/1922		270567749	KP. Tân Thủy	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2363	Lê Bá Sung	1/1/1929		272423498	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2364	Sỹ Chàng Không	1/1/1928		270567565	KP. Tân Thủy	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2365	Vong Chấn Sấm	1/1/1935		270567974	KP. Tân Thủy	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2366	Lê Thị Dương		22/8/1956	280079134	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2367	Trần Thị Kha		1/1/1937	270563373	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2368	Nguyễn Văn Hào	25/9/1935		270877938	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2369	Lê Thị Huệ		1/1/1930	270575662	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2370	Nguyễn Sư	1/1/1958		Không có CMND	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2371	Phạm Thị Cường		1/1/1928	270567113	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2372	Nguyễn Thị Thuận		1/1/1933	Mất CMND	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2373	Trình Thị Lên		30/12/1950	271375364	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2374	Nguyễn Văn Lai	1/1/1960		271631971	KP. Bàu Sen	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2375	Lê Thị Phương		1/12/1942	190310995	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2376	Nguyễn Thị Hoa		3/10/1960	270652714	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	450.000	1.500.000	
2377	Phan Thanh Tú	12/3/1995		272549907	KP. Bàu Sen	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2378	Nguyễn Thanh Trung	10/8/1995		272614703	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2379	Dương Nhật Thủy		4/4/1980	271321791	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2380	Ngô Thị Phép		1970	270878013	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2381	Lê Thị Hải		12/8/1961	272014733	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2382	Nguyễn Thị Thu Trang		12/3/1985	271632467	KP. Núi Đỏ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2383	Hoàng Thị Tuyền		1/12/1967	270834727	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2384	Trần Thị Thu Thủy		1/1/1963	190073793	KP. Bàu Sen	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2385	Nguyễn Thị Minh Thư		8/1/1991	272549576	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2386	Trần Thị Kim Ngân		2/2/1991	271972424	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2387	Lê Thị Hà Nhi		18/12/1996	272496003	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2388	Hoàng Minh	10/9/1973		271285845	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2389	Nguyễn Vũ	5/9/1963		270575413	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2390	Dương Thị Bích Thảo		1/11/1984	271591651	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2391	Đào Đình Nguyễn	12/23/1997		272549919	KP. Bàu Sen	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2392	Sàn Và Khương	2/1/1981		271404891	KP. Tân Thủy	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2393	Hồ Văn Thái	1/1/1975		Không có CMND	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2394	Chí Vĩnh Phát	2/25/1999		272672674	KP. Tân Thủy	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2395	Chí Xáy Mùi		1/1/1972	271085198	KP. Tân Thủy	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2396	Sỹ Nghiêm Vỹ	3/3/2001		272753758	KP. Tân Thủy	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2397	Nguyễn Thành Đạt	5/1/2001		Không có CMND	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2398	Nguyễn Đắc	21/10/1966		270834705	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2399	Phạm Bá Quốc	7/2/1985		271713163	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2400	Lê Thị Minh Hào		1/1/1969	271371000	KP. Bàu Sen	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2401	Vũ Ngọc Kim	1/1/1966		Không có CMND	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2402	Phạm Văn Đà	25/12/1960		270832883	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2403	Nguyễn Vũ Hoàng	10/10/1993		272255149	KP. Bàu Sen	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2404	Lý Vĩnh Hùng	25/2/1975		271195897	KP. Tân Thủy	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2405	Trần Ngọc Tấn	3/1/2004		Không có CMND	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2406	Nguyễn Linh	1/4/1955		270575750	KP. Núi Đơ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2407	Nguyễn Thi Đạt		1/1/1956	272359982	KP. Bàu Sen	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2408	141 Huỳnh Thị Mỹ Duyên		1/1/1942	270159380	KP. Núi Đò	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2409	142 Nguyễn Thị Vai		1/1/1939	270159481	KP. Núi Đò	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2410	143 Nguyễn Thị Lan		1/1/1948	270367153	KP. Bàu Sen	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2411	144 Lê Tuấn		1/1/1931	270527523	KP. Núi Đò	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2412	145 Võ Tấn Quang		4/9/1957	270722286	KP. Bàu Sen	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2413	146 Nguyễn Thị Thanh		1/1/1959	270575699	KP. Núi Đò	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2414	147 Trần Đăng Cường		23/6/1959	272014840	KP. Núi Đò	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2415	148 Nguyễn Thị Phương		1/1/1941	270567375	KP. Bàu Sen	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2416	149 Phạm Thị Xăng		1/1/1930	270567354	KP. Bàu Sen	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2417	150 Nguyễn Thị Ngọc Huyền		19/8/2004	Không có CMND	KP. Núi Đò	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2418	151 Chênh Văn Phương		21/12/2006	Không có CMND	KP. Tân Thủy	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2419	152 Đào Cẩm Tiên		10/18/2009	Không có CMND	KP. Núi Đò	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2420	153 Bùi Đăng Khoa		6/19/2007	Không có CMND	KP. Bàu Sen	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2421	154 Trần Chiến		26/8/2006	Không có CMND	KP. Núi Đò	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2422	155 Trần Thị Diệu Quỳnh		9/8/2008	Không có CMND	KP. Núi Đò	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2423	156 Nguyễn Quốc Triều		16/8/2007	Không có CMND	KP. Bàu Sen	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2424	157 Hoàng Hữu Hiếu		13/07/2008	Không có CMND	KP. Núi Đò	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2425	158 Bùi Quốc Bảo		15/03/2008	Không có CMND	KP. Núi Đò	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2426	159 Lê Thanh Tuấn		20/11/2011	Không có CMND	KP. Núi Đò	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2427	160 Lý Ngọc Yến		23/12/2010	Không có CMND	KP. Tân Thủy	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2428	161 Đinh Thị Phương Anh		26/9/2012	Không có CMND	KP. Bàu Sen	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2429	162 Nguyễn Hữu Lộc		6/5/2005	Không có CMND	KP. Bàu Sen	Trẻ em mồ côi dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2430	Vòng Sỏi Tắc	1/4/2005		Không có CMND	KP. Tân Thủy	Trẻ em mồ côi dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
2438	Đặng Thị Tương		1/1/1917	170891365	Cấp Rang	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2439	Lê Thị Mạnh		1/1/1924	270057020	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2440	Phùng Thị Ngần		1/1/1924	270576011	Cấp Rang	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2441	Trần Thị Đào		1/1/1924	270575957	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2442	Trương Hồng Châu	1/1/1920		270832931	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2443	Trần Thị Hòa		1/1/1926	270051749	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2444	La Thị Bê		1/1/1926	270658950	D Đường	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2445	Phạm Thị Hồng		7/20/1926	270548544	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2446	Nguyễn Thị Bút		1/1/1922	170315324	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2447	Nguyễn Thị Nhỏ		1/1/1925	272429590	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2448	Nguyễn Thị Lê		1/1/1930	270159132	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2449	Hoàng Thị Dư		1/1/1928	270033664	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2450	Nguyễn Thị Dưa		1/1/1928	190820762	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2451	Trần Mười	1/1/1929		272204096	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2452	Huyền Kiên	1/1/1930		270057004	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2453	Nguyễn Thị Tùng		1/1/1929	272549552	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2454	Hà Xuân Chanh	1/1/1930		270057009	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2455	Lê Thị Phấn		1/1/1929	271718636	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2456	Phan Thị Nhàn		3/27/1930	272042481	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2457	Trịnh Văn Tâm	1/1/1931		270158696	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2458	Lê Thị Trương		2/20/1929	161921678	Cấp Rang	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2459	Nguyễn Thị Luyến		7/25/1931	220588892	Cấp Rang	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2460	Trần Thị Diễm		1/1/1932	270832917	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2461	Nguyễn Hà Trung	10/10/1930		272003599	D Đường	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2462	Nguyễn Thị Xuân		7/13/1930	210462467	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2463	Nguyễn Thị Ôn		1/1/1932	270652587	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2464	Lê Văn Bá	1/1/1932		272003590	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2465	Nguyễn Thị Chi		1/1/1931	270559988	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2466	Thị Út		1/1/1933	272137806	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2467	Nguyễn Ngọc Mua	1/1/1933		210462467	D Đường	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2468	Thị Ba		1/1/1933	270575938	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2469	Võ Thị Sòa		1/1/1927	270834117	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2470	Nguyễn Thị Thạch		1/1/1922	270158648	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2471	Ngô Thị Ên		1/1/1934	270057028	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đội tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2472	Nguyễn Trọng Tài	3/4/1934		270575352	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2473	Nguyễn Thị Xuyên		7/2/1934	270159146	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2474	Nguyễn Thị Du		8/18/1934	190349640	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2475	Đỗ Văn Tinh	20/12/1934		272135805	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2476	Cao Thị Mến		1/1/1929	272081285	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2477	Nguyễn Thị Phương		3/9/1934	270158609	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2478	Hồ Thị Chanh		1/1/1935	270576392	D Đường	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2479	Huỳnh Thị Bé		1/1/1935	271975400	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2480	Nguyễn Thị Hồng		1/1/1935	271088077	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2481	Nguyễn Hiền	1/1/1935		270918121	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2482	Lưu Thị Hoàng		1/1/1935	270575333	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2483	Huỳnh Văn Định	12/1/1935		270159321	D Đường	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2484	Lê Thị Toàn		1/1/1936	270158971	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2485	Nguyễn Thị Tha		1/1/1936	270159162	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2486	Cao Thị Huệ		1/1/1936	270536785	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2487	Nguyễn Văn Sáng	1/1/1936		270682586	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2488	Nguyễn Thị Hương		1/1/1934	270575145	Cấp Rang	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2489	Nguyễn Thị Hạnh		20/10/1935	270834161	Cấp Rang	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2490	Nguyễn Thị Loan		15/02/1936	270159016	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2491	Võ Thị Bảy		30/03/1936	270057013	D Đường	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2492	Trần Thị Hoàn		1/1/1936	270158635	D Đường	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2493	Huỳnh Thị Quyết		1/1/1936	281030798	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2494	Trần Ngọc Nữ		1/1/1937	270918123	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2495	Hồ Thị Bura		1/1/1937	270575215	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2496	Nguyễn Thị Trí		1/1/1937	270159359	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2497	Nguyễn Văn Phoi	1/1/1937		270575822	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2498	Đỗ Thị Chín		7/8/1937	270159123	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2499	Nguyễn Thị Mai		1/11/1931	270575851	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2500	Huỳnh Thị Mai		10/10/1937	270575851	D Đường	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2501	Nguyễn Dương	20/10/1937		180615085	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2502	Phạm Thị Quân		26/10/1937	271975276	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2503	Trần Ngư	2/12/1937		270158849	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2504	Nguyễn Thị Quý		1/1/1938	180365554	Cấp Rang	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2505	Nguyễn Thị Sấm		1/1/1938	K có CMND	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2506	Mai Thị Tuyết		1/1/1938	270527507	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2507	Trần Thị Thành		1/1/1938	272351201	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2508	Hoàng Thị Nờ		1/1/1938	270975889	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2509	Trần Thị Vỹ		1/1/1938	270159006	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2510	Đặng Đình Dục	15/07/1937		270056995	DĐường	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2511	Lê Thị Ngẫu		12/8/1938	270569581	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2512	Trần Thị Thảo		10/9/1938	270576354	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2513	Trần Thị Nôi		1939	270159162	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2514	Cao Thị Tuyết		01/01/1939	272397964	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2515	Hồ Thị Tươi		01/01/1939	270056996	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2516	Phan Thị Sen		01/01/1939	272081782	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2517	Nguyễn Thị Bé		01/01/1939	271069437	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2518	Đặng Ngọc Niên	01/01/1939		272335888	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2519	Lê Thị Bảy		27/01/1939	271069437	DĐường	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2520	Trương Thị Bích Sấm		01/01/1939	270159210	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2521	Thổ Thị Ba		01/01/1939	270576227	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2522	Hoàng Văn Long		01/01/1939	270552692	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2523	Nguyễn Hữu Lan	01/01/1939		272634793	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2524	Nguyễn Thị Kê		05/02/1939		DĐường	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2525	Trần Thị Đưa		10/10/1933		Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2526	Phạm Thị Nhứt		01/01/1939	270159378	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2527	Nguyễn Thị Xi		30/03/1939	270880577	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2528	Nguyễn Thị Kim Anh		20/05/1939	270573196	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2529	Nguyễn Thị Thoa		24/04/1939	272255851	Cấp Rạng	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2530	Lê Thị Hiệp		01/01/1940	270158883	Cấp Rạng	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2531	Vũ Thị Tốt		01/01/1940	272423385	Cấp Rạng	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2532	Nguyễn Đức Minh	01/01/1940		270576398	Cấp Rạng	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2533	Huỳnh Thị Tốt		01/01/1940	270569634	Cấp Rạng	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2534	Đỗ Thị Tư		01/01/1940	270918023	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2535	Nguyễn Thị Ứt		01/01/1940	270159004	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2536	Nguyễn Thị Phương		01/01/1940	270158992	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2537	Phan Thị Tư		01/01/1940	270159309	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2538	Mai Thị Quyên		08/07/1939	270158615	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2539	Trần Hòa	01/02/1940		270584886	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2540	Đoàn Thị Thanh		01/01/1940	270057029	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2541	Trần Trọng Kim	29/03/1940		270652663	DĐường	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2542	Đào Thị Cây		18/04/2020	270980476	Suối Tre	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
2543	Bùi Thị Lê		10/04/2020	272836950	Núi Tung	Người cao tuổi 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2544	107 Nguyễn Thị Dâu		12/10/1931	270056997	Núi Tung	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2545	108 Võ Văn Nguyễn	11/04/1950		270159325	Núi Tung	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2546	109 Lê Hương	02/07/1952		190647590	Suối Tre	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2547	110 Nguyễn Văn Bảo	20/10/1946		270575361	Núi Tung	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2548	111 Nguyễn Tuyên	12/06/1942		272496367	Núi Tung	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2550	113 Bùi Thị Hồng Anh		23/06/1947	270453908	D Đường	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2551	114 Dương Quang Vũ	19/08/1956		270123754	Suối Tre	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2552	115 Nguyễn Văn Nguyễn	15/10/1956		270165297	Suối Tre	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2553	116 Ngô Ngọc Trai	10/03/1957		271084936	Cấp Rang	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2554	117 Trần Thị Khang		30/12/1956	270652520	Suối Tre	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2556	119 Trần Thị Dung		15/01/1958	272047612	Núi Tung	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2558	121 Nguyễn Thị Lý		1/1/1944	271530708	Cấp Rang	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2559	122 Ngô Văn Châu	01/01/1944		270575853	Suối Tre	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2560	123 Trần Thị Mai		11/20/1958	270832720	D Đường	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2561	124 Nguyễn Văn Sơn	10/01/1954		270136785	Núi Tung	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2562	125 Phạm Văn Kiệt	10/10/1950		270057015	D Đường	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2563	126 Nguyễn Văn Diễm	26/09/1958		272497700	Núi Tung	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2564	127 Trần Thị Mỹ	9/20/1959		270159158	Suối Tre	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2565	128 Lâm Thuong	22/10/1959		270048488	Suối Tre	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2566	129 Võ Văn Cọt	1/1/1960		270158672	Suối Tre	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2567	130 Trần Thị Thu		1/1/1960	270576302	Cấp Rang	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2568	131 Lê Công	10/10/1960		271426600	Cấp Rang	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2569	132 Nguyễn Quang Bắc	8/24/1976		271195924	D Đường	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2570	133 Nguyễn Thanh Tâm	10/24/1970		270878526	Cấp Rang	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2571	134 Phạm Hữu Tâm	12/22/1992		272397201	Suối Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2572	135 Nguyễn Thị Trâm		8/12/1992	272047516	Suối Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2574	137 Huỳnh Thị Hải		1/1/1987	271704492	Suối Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2575	138 Đỗ Văn Quý	1/1/1979		271811634	Suối Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2576	139 Phan Trường	6/2/1980		271355978	Núi Tung	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2578	141 Nguyễn Thị Huyền Trinh		6/3/1987	K có CMND	Núi Tung	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2579	142 Nguyễn Minh Hải	2/22/1989		271350741	Suối Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2580	143 Lê Minh Dũng	6/10/1976		271258812	Suối Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2582	145 Thanh Văn Mai	9/6/1966		270716170	Suối Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2584	147 Bùi Ngọc Cẩn	00/00/1967		270674366	Núi Tung	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2585	148 Phan Thị Thanh Nhân		9/22/1994	K có CMND	Suối Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2587	150 Nguyễn Văn Bá	5/3/1960		270832720	Suối Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2588	151 Võ Văn Quý	12/24/1960		271317638	Cấp Rạng	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2589	152 Hồ Duy Lâm	3/2/1982		271583218	Núi Tung	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2590	153 Hồ Minh Thư		2/16/1999	272672516	Núi Tung	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2591	154 Trần Thiên Lý		00/00/1969	271830617	Suối Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2592	155 Lục Mạnh Khương	12/9/1983		271503019	Núi Tung	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2593	156 Huỳnh Thuận	1/1/1968		281068575	Núi Tung	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2595	158 Lê Thanh Trung	14/02/1988		271850728	Suối Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2596	159 Dương Quang Diệu	1/1/1961		270998552	Suối Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2597	160 Nguyễn Thị Lân		26/04/1963	270575231	Núi Tung	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2598	161 Trần Thị Xuân		1/1/1969	270832974	Núi Tung	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2599	162 Nguyễn Công Hiếu	29/03/1988		271850739	Cấp Rạng	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2600	163 Nguyễn Thị Thanh Mỹ		6/9/1981	271370942	Suối Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2601	164 Nguyễn Ngọc Thìn	1/1/1976		272874579	Suối Tre	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2602	165 Võ Vương Vũ	22/10/1973		271119855	Núi Tung	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2603	166 Đoàn Văn Minh	1/1/1961		K có CMND	Cấp Rạng	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2604	167 Đỗ Minh Tuấn	08/03/1994		272352867	Cấp Rạng	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2606	169 Nguyễn Thị Thu Trang		19/05/1978	271285559	Cấp Rạng	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2607	170 Hoàng Văn Lân	12/12/1962		120536848	Núi Tung	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2608	171 Nguyễn Hoài Nhi		30/11/2002	K có CMND	Núi Tung	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2609	172 Nguyễn Thị Thu Trang		04/09/1968	271041167	Núi Tung	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2611	174 Nguyễn Hữu Thiện	30/03/2004		K có CMND	Núi Tung	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2612	175 Nguyễn Trần Thanh Long	9/5/2011		Khai sinh	Núi Tung	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2613	176 Nguyễn Trung Trí	02/08/2009		Khai sinh	Núi Tung	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2614	177 Trương Thị Thủy Dung		15/10/2010	Khai sinh	Suối Tre	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2615	178 Phan Chí Văn	24/08/2007		Khai sinh	Núi Tung	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2616	179 Nguyễn Hữu Khang	23/03/2014		Khai sinh	Cấp Rạng	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2617	180 Nguyễn Ngọc Hiếu	19/08/2011		Khai sinh	Núi Tung	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2618	181 Hồ Anh Đào		28/03/2005	Khai sinh	Suối Tre	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2619	182 Trần Thị Cúc		1/1/1956	272136957	Núi Tung	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2620	183 Nguyễn Thị Lan		1/1/1953	270575299	Núi Tung	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2621	184 Nguyễn Thị Lê		1/1/1935	270159146	Suối Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2622	185 Bùi Văn Hùng	1/1/1940		21042116	Núi Tung	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2623	186 Nguyễn Văn Quỳnh	14/11/1936		270159137	D Đường	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2624	187 Nguyễn Thị Sáu		1/1/1956	272003575	Suối Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2625	188 Nguyễn Thị Hồng Oanh		11/18/1987	K có CMND	Cấp Rạng	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2626	189 Trần Thị Anh Loan		1/1/1968	270834035	Cấp Rạng	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tỷ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2627	190 Nguyễn Thị Kiều Trinh		1/1/1967	K có CMND	Suối Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2628	191 Đặng Thị Thủy Trinh		3/30/1989	K có CMND	Cấp Rang	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2629	192 Bùi Duy Ái		10/2/1996	K có CMND	Suối Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2630	193 Nguyễn Văn Phương		12/10/1992	190834986	Suối Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2631	194 Trần Thị Thu Hà		1/1/1967	270832959	Cấp Rang	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2632	195 Nguyễn Đình Hoàng		3/23/1998	K có CMND	D Đường	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2633	196 Nguyễn Hoàn Thành Đồng		3/30/1998	K có CMND	Suối Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2635	198 Trần Nguyễn Đức Trọng		12/2/2000	K có CMND	Cấp Rang	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2636	199 Nguyễn Đại Anh Quốc		22/02/1989	K có CMND	Cấp Rang	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2637	200 Đặng Ngọc Sang		2/2/2001	271363037	D Đường	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2638	201 Trần Công Trúc		8/10/1972	K có CMND	Suối Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2639	202 Nguyễn Thị Minh Xuân		15/06/1979	271704779	Suối Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2640	203 Dương Thái Ní		9/5/2002	271363034	Cấp Rang	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2641	204 Nguyễn Bảo Châu		16/12/1971	K có CMND	Suối Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2642	205 Nguyễn Thị Huyền Trang		20/01/1988	183417937	Suối Tre	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2643	206 Phạm Anh Như		11/19/2003	K có CMND	D Đường	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2644	207 Nguyễn Hoàng Châu		8/22/2010	Khai sinh	Núi Tung	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2645	208 Nguyễn Ngọc Yến Vy		7/23/2011	Khai sinh	Suối Tre	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2646	209 Nguyễn Phi Hữu Luân		1/15/2009	Khai sinh	Núi Tung	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2647	210 Ngô Thị Ngọc Uyên		26/08/2007	Khai sinh	Núi Tung	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2648	211 Lê Anh Tuấn		16/11/2010	Khai sinh	Cấp Rang	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2649	212 Trần Khánh Lâm		12/11/2014	Khai sinh	Suối Tre	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2650	213 Trần Gia Bảo		03/09/2010	Khai sinh	Suối Tre	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2651	214 Nguyễn Minh Nhân		20/11/2015	Khai sinh	Núi Tung	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2652	215 Lê Hữu Sang		04/11/2014	Khai sinh	Núi Tung	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2653	216 Nguyễn Ngọc Anh Thư		16/01/2009	Khai sinh	Suối Tre	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
2654	217 Bùi Minh Đức		13/03/2001	Khai sinh	Núi Tung	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
2655	218 Trần Quốc Tiến		4/2/2002	Khai sinh	Suối Tre	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
2656	219 Danh Lê Hà Vũ		15/05/2002	Khai sinh	D Đường	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
2657	220 Nguyễn Thụy Khánh Như		2/26/2003	Khai sinh	D Đường	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
2658	221 Trần Thị Liễu		01/01/1950	270159352	Núi Tung	Người có đơn dưới 80 tuổi là hộ nghèo	450.000	1.500.000	
2659	1 Cao Thị Phu		1/1/1934	270137720	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2660	2 Châu Văn Anh		1/1/1932	270836129	Phủ Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2661	3 Nguyễn Thị Chế		9/4/1936	270131817	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2662	4 Đặng Tuyết Mai		1/1/1932	310618340	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2663	5 Đỗ Lưu	1/1/1932		270719644	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2664	6 Đỗ Văn Ánh	1/1/1934		270566789	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2665	7 Dương Thị Quyển(Thái)		8/5/1930	150564725	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2666	8 Hà Thị Lộc		1/1/1932	270719437	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2667	9 Hà Thị Thu		1/1/1934	272081094	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2668	10 Hồ Thị Liên		1/1/1934	270719293	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2669	11 Hồ Thị Thiên		1/1/1924	161133216	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2670	12 Đặng Thị Thanh		1/1/1939	276007816	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2671	13 Hồ Văn Chi	1/1/1924		270719786	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2672	14 Hoàng Ngọc Thìn	1/1/1933		270719985	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2673	15 Hoàng Thị Bồng		5/20/1931	272003942	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2674	16 Hoàng Thị Chinh		1/1/1929	270567853	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2675	17 Huỳnh Kim Lái	1/1/1931		270119237	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2676	18 Lê Đình Phơn	6/5/1929		171056142	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2677	19 Lê Lập	1/1/1931		172714096	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2678	20 Ngô Thị Toàn		1/1/1934	272396817	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2679	21 Nguyễn Thị Cuộc		1/1/1931		Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2680	22 Nguyễn Thị Hơi		1/1/1927	270719478	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2681	23 Nguyễn Thị Năm		1/1/1929	270213821	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2682	24 Nguyễn Thị Ngọc		1/1/1932	270719625	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2683	25 Nguyễn Thị Sin		1/1/1930		Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2684	26 Nguyễn Thị Thêu		1/1/1934	01961506	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2685	27 Nguyễn Thị Thủy		1/1/1934		Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2686	28 Nguyễn Văn Bay	1/1/1933		270567160	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2687	29 Phan Đình Thường	9/2/1930		181079352	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2688	30 Phan Thị Di		1/1/1934	270719622	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2689	31 Phan Thị Em		1/1/1930	172047675	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2690	32 SAn A Sy	3/16/1926		270567656	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2691	33 Thái Thị Mỹ		1/1/1928	270719424	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2692	34 Trần Giờ	1/1/1924		272147678	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2693	35 Trần Mạnh	4/15/1930		270367665	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2694	36 Trần Thị Cúc		1/1/1934	270566852	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2695	37 Trần Thị Hường		1/1/1929	270719232	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2696	38 Trần Thị Lưu(Lu)		1/1/1933	220286637	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2697	39 Trần Văn Muốn	9/30/1932		270719795	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2698	40 Trịnh Cao Đàm	1/1/1934		270567039	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				T trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2699	41 Trương Thị Cúc		1/1/1929		Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2700	42 Trương Thị Tài		1/1/1933		Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2701	43 Võ Thị Hời		7/2/1931	270566268	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2702	44 Võ Thị Năm		1/1/1931	270579520	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2703	45 Vong Thim Chanh		1/1/1934	270567859	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2704	46 Vương Đình Thức		1/1/1931	270158109	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2705	47 Võ Bá Quyền		10/10/1934	272014102	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2706	48 Trần Văn Thái		1/1/1935	270836113	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2707	49 Đặng Thị Việt (Việt)		1/1/1935	271917955	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2708	50 Nguyễn Túc		1/1/1935	270719700	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2709	51 Ngô Thị Hòa		5/1/1935	360003736	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2710	52 Phạm Thị Minh Ánh		1/1/1935	27125833	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2711	53 Nguyễn Thị Nhài		1/1/1935	270566907	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2712	54 Nguyễn Thị Kiên		1/1/1935	272054425	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2713	55 Tạ Thị Huỳnh		1/1/1935		Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2715	57 Trần Thị Nhung		0/0/1936	270159292	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2716	58 Tạ Thị Lăng		0/0/1936	270722163	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2717	59 Phạm Thị Bé		0/0/1936	272496503	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2718	60 Trương Văn Hậu		0/0/1936	270722217	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2719	61 Nguyễn Văn Em		1/1/1934	272204869	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2721	63 Nguyễn Thị Sáu			270719879	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2722	64 Triều Duy Nhỏ		6/4/1936	270719726	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2723	65 Nguyễn Thị Kỳ		1/1/1936	0531300000	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2724	66 Đoàn Văn Mẫn			270137930	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2725	67 Huỳnh Văn Mai		4/7/1936		Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2726	68 Nguyễn Thị Lài		1/1/1933		Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2727	69 Võ Thị Bảy		1/1/1932		Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2728	70 Dương Thị Luy		1/1/1935	272.136.951	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2729	71 Trần Thị Sơn		8/2/1937	270722189	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2730	72 Lê Thị Thê		1937	270567097	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2731	73 Nguyễn Thị Mối		1937	270566942	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2732	74 Trần Thị Tho		1937	270159277	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2733	75 Nguyễn Thị Thoa		1937	270158490	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2734	76 Nguyễn Văn Vinh		1937	270719315	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2735	77 Võ Thị Sáu		1937	270596177	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2736	78 Phan Thị Chát		1937	270719512	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2737	79 Phạm Thị Bảy		1937	270719855	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2738	80 Lý Đình Phú	1937		271975340	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2739	81 Trần Tư	1937		270719872	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2740	82 Lê Thị Ba		1937	271084702	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2741	83 Cáp Tuấn	3/13/1937		270867324	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2742	84 Néang Ốc		4/5/1930	352755687	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2743	85 Nguyễn Thị Bích		4/10/1937	270.537.320	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2744	86 Phạm Thị Năm		1/1/1937	270.566.980	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2745	87 Hoàng Thị Kiểm		4/20/1936	272.874.775	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2746	88 Nguyễn Thị Nhung		3/6/1937	270.719.487	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2747	89 Huỳnh Thị Liễu		1/8/1935	272.905.088	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2748	90 Trịnh Cao Hương	25/11/1937		270.137.983	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2749	91 Nguyễn Thị Nhan		20/11/1937	270.132.595	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2750	92 Đặng Thị Nguyệt		29/6/1938	270.719.850	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2751	93 Tạ Thị Đa		1938	272.813.483	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2752	94 Lê Thị Thiện		1938	270.719.916	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2753	95 Huỳnh Thị Nhổng		1938	270.719.428	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2754	96 Nguyễn Thị Cái		1938	272.549.482	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2755	97 Lê Thị Nguyệt Trung		1938	271.728.570	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2756	98 Hà Thị Tào		1938	271.801.041	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2757	99 Lâm Thị Được		1938	270.719.560	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2758	100 Trương Thị Thọ		02/02/1938	272.048.264	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2759	101 Nguyễn Thị Quế		20/03/1930	272.906.674	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2760	102 Nguyễn Thị Lê		23/02/1938	270.158.493	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2761	103 Trần Thị Lý		10/7/1938	272.014.095	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2762	104 Nguyễn Thị Cúc		1/1/1939	271.917.569	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2763	105 Nguyễn Văn Viên	1/1/1939		270.158.472		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2764	106 Nguyễn Thị Ngai		1/1/1939	270.137.970		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2765	107 Phạm Thị Hoa		22/01/1939	270.137.664		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2766	108 Nguyễn Văn Báu	1/1/1939		270.566.833		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2767	109 Lê Thị Riêng		1/1/1939	270.158.468		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2768	110 Nguyễn Thị Ba		1/1/1939	270.137.841		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2769	111 Phạm Thị Lý		1/1/1939	272.255.571		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2770	112 Nguyễn Thị Thu		1/1/1939	270.566.940		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2771	113 Nguyễn Thị Tha		1/1/1939	270.120.200		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2772	114 Hoàng Thị Nữ		1/1/1939	270.881.817		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2773	115 Hoàng Trọng Chất	4/4/1939		271975329	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2774	116 Lưu Thị Thân		1/1/1931	272453079	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2775	117 Hồ Xuân Tấn	9/1/1939		270658802	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2776	118 Lê Văn	1/1/1926			Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2777	119 Tạ Thị Cầm		1/1/1940	270722241	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2778	120 Mai Văn Tăng	1/1/1940		272093923	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2779	121 Võ Thị Hương		01/01/1940	270567425	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2780	122 Nguyễn Thị Trục		01/01/1940	270980230	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2781	123 Triệu Thị Sầu		01/01/1940	270719873	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2782	124 Nguyễn Thành Công	1/1/1940		270722176	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2783	125 Bùi Thị Thu		1/1/1940	270719725	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2784	126 Nguyễn Thị Đen		1/1/1940	272396959	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2785	127 Phan Thị Hạnh		1/1/1940	270719365	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2786	128 Võ Thị Bảy		1/1/1940	270596214	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2787	129 Lê Cung	03/03/1939		271476397	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2788	130 Đặng Thị Hồng		2/25/1940	270521860	Trung Tâm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2789	131 Nguyễn Thị Quấn		3/2/1940	272982968	Phù Mỹ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2790	132 Bùi Thanh Tâm	11/25/1985			Phù Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2791	133 Bùi Thị Quỳnh Như		4/13/1979	271370591	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2792	134 Cáp Thị Hiền		1/1/1968		Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2793	135 Đặng Phước Thành	1/21/1986		272451320	Phù Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2794	136 Đào Nguyễn Xuân Lập	1/1/1990			Phù Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2795	137 Đỗ Thị Kim Hồng		1/1/1994		Phù Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2796	138 Đỗ Trọng Đại	1/1/1990			Phù Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2797	139 Huỳnh Mai Phương Anh		9/10/1974	271311609	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2798	140 Lê Thị Hương		9/2/1985		Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2799	141 Lưu Văn Lộc	1/1/1963		270722036	Phù Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2800	142 Lý Ngọc Quỳnh Trang		12/5/1995		Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2801	143 Nguyễn Bà Nguyễn	3/29/1967		270719698	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2802	144 Nguyễn Mạnh Hoàng	1/1/1977			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2803	145 Nguyễn Thị Đình Phi		1/1/1980		Phù Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2804	146 Nguyễn Văn Thái	1/1/1972			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2805	147 Phạm Thái Sơn	1/1/1991			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2806	148 Thông Sênh Võ	1/1/1987			Phù Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2807	149 Trần Ngọc Thiện	1/1/1985			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2808	150 Trần Sấm Mui		1/1/1985		Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2809	151 Trần Thị Lê Hương		1/1/1970	270980343	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2810	152 Trần Thị Trinh		7/25/1986	312246235		Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2811	153 Vy Thị Út		1/1/1965	271641845	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2812	154 Lê Thị Hương		0/0/1964		Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2813	155 Ngô Trọng Duy	1/20/1998			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2814	156 Nguyễn Văn Minh	1/1/1972			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2815	157 Hoàng Trọng Hoà	1/1/1966			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2816	158 Dương Bửu Hùng	1/1/1963			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2817	159 Phan Thị Hiền Thảo		5/5/2001		Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2818	160 Nguyễn Bảo Nguyên		1/1/2001		Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2819	161 Tạ Văn Quân	10/11/1963		270719967	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2820	162 Nguyễn Đức Thanh Long	10/18/1994		272496307	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2821	163 Nguyễn Thanh Dũng	6/11/1972			Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2822	164 Nguyễn Văn Hùng	9/23/2003			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2823	165 Chông Thần Sáng	9/6/1982			Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2824	166 Lê Ngọc Dũng	9/13/1971		270980303	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2825	167 Bùi Trọng Đệ	1/1/1950			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2826	168 Lý Thị Hiếu		1/1/1918	270719471	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2827	169 Mai Hoa	12/8/1937			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2828	170 Văn Thị Lợi		0/0/1949		Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2829	171 Bùi Văn Hoa	0/0/1936		270719934	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2830	172 Nguyễn Thị Nguyên		1/1/1934		Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2831	173 Phạm Thị Tý		0/0/1932	270719516	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2832	174 Nguyễn Ngọc Thương	1/20/1947		270567079	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2833	175 Nguyễn Văn Thanh	1/1/1932		270658849	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2834	176 Nguyễn Đăng Khán	7/1/1955		130211871	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2835	177 Võ Thanh Dũng	1/1/1956		272496374	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2836	178 Dương Văn Chi	0/0/1955			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2837	179 Nguyễn Thị Rạng		10/20/1954	272014115	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2838	180 Nguyễn Thị Trườn		1/1/1935		Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2839	181 Nguyễn Thị Mười		1/1/1926	210449519	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2840	182 Nguyễn Thị Nhỏ		0/0/1936	270137666	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2841	183 Lê Thị Ngọc Diệp		0/0/1956		Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2842	184 Mai Văn Diệu	1/1/1937		271084604	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2843	185 Dương Thị Sáo		1/1/1929	270567437	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2844	186 Nguyễn Thị Thành		1951	020001187	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ cần cuộc công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2845	187 Nguyễn Văn Thich	1935		270722162	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2846	188 Phan Hiếu Thảo	1/1/1930		351933324	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2847	189 Lê Văn Dân	9/2/1958		270719549	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2848	190 Đặng Thị Xuân Lan		1/1/1942	270719462	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2849	191 Nguyễn Tú	1/5/1939		272014004	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2850	192 Đỗ Thị Mai		1/1/1935	270719743	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2851	193 Nguyễn Thị Ngẫu		0/0/1936	270159284	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2852	194 Đặng Ngọc Phước	8/20/1957		25440725	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2853	195 Dịp Kim Huy	7/23/2008			Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2854	196 Dương Minh Thư		1/1/2009		Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2855	197 Mai Thiên Nhân		10/5/2004		Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2856	198 Nguyễn Hiếu Đức	10/8/2006			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2857	199 Phạm Huy Hoàng	8/19/2004			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2858	200 Võ Đoàn Gia Bảo	11/17/2008			Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2859	201 Trần Thảo Vy		11/20/2012		Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2860	202 Nguyễn Hữu Toàn	5/28/2012		271311452	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2861	203 Cao Thị Yên Vy		8/9/2007		Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2862	204 Lê Hoàng Phước	7/6/2006			Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2863	205 Mai Văn Bình	7/3/2015		271503579	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2864	206 Bùi Thanh Hoan	10/20/1979		271311452	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2865	207 Đỗ Thị Hạnh		1/1/1975		Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2866	208 Hoàng Thị Cẩm Tú		1/1/1980		Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2867	209 Lâm Văn Tâm	7/29/1983		271503579	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2868	210 Lê Hải Đăng	10/12/1987		271830449	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2869	211 Lê Thanh Dũng	6/10/1969			Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2870	212 Lê Thanh Hậu	11/25/1989		271850874	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2871	213 Lưu Văn Kiệt	1/1/1965		270722035	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2872	214 Nguyễn Công Toàn	1/1/1987			Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2873	215 Nguyễn Gia Thiệu	1/1/1962		271515952	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2874	216 Nguyễn Hữu Tâm	1/8/1965		270566973	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2875	217 Nguyễn Ngọc Phúc		1/11/1990	272136495	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2876	218 Nguyễn Ngọc Thành	9/28/1985		271704624	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2877	219 Nguyễn Tân Phúc	9/29/1969		270832882	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2878	220 Nguyễn Thanh Hoà	1/1/1974		271379324	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2879	221 Nguyễn Thị Hương		9/18/1967		Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2880	222 Nguyễn Thị Kim Huệ		1/1/1962		Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2881	223 Nguyễn Thị Kim Huệ		1/1/1989		Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2882	224 Nguyễn Thị Nguyệt		7/1/1964	271851126	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2883	225 Nguyễn Thị Quỳnh		1/25/1975	271258709	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2884	226 Nguyễn Thị Thanh Tâm		5/19/1983	271595013	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2885	227 Nguyễn Thị Thanh Trà		2/1/1976	270722238	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2886	228 Nguyễn Văn Sơn	1/1/1966		271713921	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2887	229 Phạm Thị Ngọc Phú		1/1/1981	271758065	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2888	230 Phạm Thị Thanh		0/0/1963	272256273	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2890	232 Phạm Văn Thành	1/1/1967			Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2892	234 Phan Ngọc Dũng	1/1/1974			Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2893	235 Phan Văn Thanh	0/0/1961			Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2894	236 Tiểu Tấn Quốc Hùng	1/1/1971		271988362	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2895	237 Trần Thị Ngọc Mai		2/20/1991	272396964	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2896	238 Trần Thị Thanh Truyền		1/1/1979	271355870	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2897	239 Trần Trọng Chuyên	1/1/1980		271441914	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2898	240 Trần Văn Hoà	3/19/1995		270983043	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2899	241 Võ Thị Lê Huyền		4/25/1968		Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2900	242 Y Hoàng Mẫn	1/1/1993			Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2901	243 Y Thị Út		1/1/1961		Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2902	244 Bùi Thị Đạm		0/0/1963		Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2903	245 Vũ Đức Cửu	8/9/1969		272496727	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2904	246 Phan Hữu Thành	2/18/1975		271311551	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2906	248 Lê Thanh Hiêm	12/14/1994		272549413	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2907	249 Dương Thị Phúc		10/30/1961	271311555	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2908	250 Nguyễn Thị Thu Vân		3/24/1985		Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2909	251 Huỳnh Thị Mai		0/0/1964	271758124	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2910	252 Lê Thị Thu Thủy		12/18/1978	271311430	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2911	253 Lưu Hưng	1/1/1970		270832890	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2912	254 Lưu Thanh Ngọc		1/6/1972	271084519	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2913	255 Huỳnh Thị Thanh Mai		1/1/1964		Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2914	256 Trần Thu Trang		5/15/1998		Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2915	257 Bùi Thị Ngọc Phương		7/26/1980	271851155	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2916	258 Nguyễn Văn Chiêm	10/9/1965		270567017	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2917	259 Diệp Cẩm Sang	29/2/1996			Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2918	260 Trần Văn Bình	5/28/1963		270723074	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2920	262 Dương Thị Ngọc Huyền		1/1/1966		Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				T trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2921	263 Lê Thị Thanh Thủy		1/26/1978	272163531	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2922	264 Nguyễn Thanh Bình		1963	270719783	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2923	265 Nguyễn Thanh Hiền		15/7/1987	271704508	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2924	266 Nguyễn Văn Tư		4/4/1961	271084537	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2926	268 Nguyễn Thanh Trang		01/06/1978	271311613	Trung Tâm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2927	269 Trương Thị Kim Dung		30/12/1986	271706543	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2928	270 Huỳnh Văn Phúc		12/2/1966	271806186	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2929	271 Đào Thị Hiền		13/6/1960	270033185	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2930	272 Trần Thị Liễu		1965	270980307	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2931	273 Trần Xuân An		1/8/1977	271285628	Trung Tâm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2932	274 Cao Bích Thủy		1/25/1997	272614085	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2933	275 Phạm Thị Phương Trí		1968	272081869	Phú Mỹ	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2934	276 Dương Tấn Lực		7/30/1961	272352523	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2935	277 Lê Văn Vá		1/1/1936	270158473	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2936	278 Thân Văn Lễ		1/1/1937		Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2937	279 Nguyễn Đức Hải		0/0/1951	271195973	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2938	280 Nguyễn Thị Ngần		0/0/1943	272497135	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2939	281 Y Thị Liên		10/13/1948	270652582	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2940	282 Ngô Thị Ngà		1/1/1953	270722235	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2941	283 Tạ Thị Hải		6/12/1943	270719875	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2942	284 Nguyễn Thị Mười		4/15/1947	310152603	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2943	285 Văn Thị Phú		10/8/1953	270137610	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2944	286 Nguyễn Ngọc Ân		4/3/1955	271150151	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2945	287 Nguyễn Văn Mãng		1/1/1927	270719436	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2946	288 Nguyễn Đăng Cảnh		7/22/1940	270719628	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2947	289 Trình Thị Cảnh		0/0/1923	380141836	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2948	290 Trần Thị Thich		9/2/1950	272163892	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2949	291 Nguyễn Văn Từ		1948	270652437	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2950	292 Nguyễn Thị Hương		1950	270719448	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2951	293 Võ Thị Liên		10/26/1950	270158084	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2952	294 Hoàng Thị Phương		10/5/1954	270137608	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2953	295 Văn Thị Quy		1/1/1956	271918015	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2954	296 Nguyễn Thị Hương		1948	270719244	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2955	297 Triều Thị Bày		1943		Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2956	298 Lê Văn Hòa		4/25/1957	270652489	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2957	299 Trần Thị Phụng		0/0/1957		Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2958	300 Võ Văn Hùng	1/1/1957			Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2959	301 Nguyễn Thị Lệ Hoa		1/12/1957	2701377769	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2961	303 Đỗ Thị Tư		10/5/1957	270722027	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2962	304 Vũ Văn Minh	1940		271489963	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2964	306 Nguyễn Văn Thanh	9/2/1957		270137652	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2965	307 Võ Văn Chí	8/30/1957		270137786	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2966	308 Hồ Thị Phi		10/15/1958	272549365	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2967	309 Lâm Thị Minh Nga		7/15/1955	271084416	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2968	310 Phan Thị Hiền		4/20/1956	270719818	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2969	311 Đỗ Văn Có	8/28/1955		270722022	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2970	312 Nguyễn Thị Mùi		1940	271728380	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2971	313 Nguyễn Thị Lễ		1939	270137733	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2972	314 Nguyễn Thị Tư		1946	272204870	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2973	315 Đồng Văn Lợi	1/1/1959			Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2974	316 Đồng Văn Quyền	1/1/1959			Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2975	317 Cao Quyền	8/17/1952		272496490	Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2976	318 Trần Văn Lợi	5/29/1959		270567967	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2978	320 Trần Văn Liên	10/23/1959		270567296	Trung Tâm	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2979	321 Đỗ Minh Nhật Kha	9/26/2009			Trung Tâm	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2980	322 Nguyễn Hoàng Ngọc Ngân		7/25/2006		Trung Tâm	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2981	323 Nguyễn Hoài An	12/17/2012			Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2982	324 Lê Phúc Hậu	3/4/2008			Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2983	325 Nguyễn Lê Thảo My		2/23/2013		Trung Tâm	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2984	326 Huỳnh Minh Hiếu	4/27/2015			Phú Mỹ	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2985	327 Nguyễn Quỳnh Hương		3/28/2009		Trung Tâm	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
2986	328 Nguyễn Quốc Cường (Nguyễn Văn Lễ SN 22/10/1955 chăm sóc)	9/14/2012			Trung Tâm	Trẻ em mồ côi dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
2987	329 Nguyễn Phúc Lộc (Nguyễn Văn Lễ SN 22/10/1955 chăm sóc)	4/18/2006			Trung Tâm	Trẻ em mồ côi dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
2988	330 Nguyễn Ngọc Xuân Mai(Phạm Thị Kim SN 26/10/1956)		9/2/2008		Trung Tâm	Trẻ em mồ côi dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
2989	331 Nguyễn Thị Đào		1954		Trung Tâm	Hộ nghèo không có TV lao động	300.000	1.500.000	
2990	332 Phạm Văn Tiến	2/26/1948			Trung Tâm	Hộ nghèo không có TV lao động	300.000	1.500.000	
2991	1 Lê Đạt	1915		270495943	Phố Cẩm Tú	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ cũn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				T trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2992	2 Nguyễn Thị Lưu		20/10/1923	270542450	u Phố Tân Ph Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
2993	3 Nguyễn Văn Cảnh	1924		270541677	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
2994	4 Phạm Thị Linh		1922	270541072	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
2995	5 Phạm Thị Ngăm		06/1923	140920826	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
2996	6 Trần Thị Xuân		1923	272204922	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
2997	7 Trương Thị Đào		1925	270543061	u Phố Tân Ph Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
2998	8 Đỗ Thị Đầu		1922	170220988	u Phố Tân Ph Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
2999	9 Lê Thị Nengah		1926	270495498	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3000	10 Võ Thị Mỏ		1928	270495965	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3001	11 Nguyễn Thị Sáu		1930	270541242	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3002	12 Nguyễn Thị Hủy		12/02/1930	272042187	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3003	13 Trương Văn Long	1930		270541099	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3004	14 Nguyễn Trờ	1929		270541562	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3005	15 Nguyễn Thị Tỷ		1929	270495025	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3006	16 Trần Thị Cảnh		1927	270495517	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3007	17 Lê Văn Gi	1930		270541312	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3008	18 Lê Thị Bé		1928	272352807	u Phố Tân Ph Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3009	19 Lê Thị Ngọc Liên		1930	270541390	u Phố Tân Ph Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3010	20 Nguyễn Thị Lang		1930	270542513	u Phố Tân Ph Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3011	21 Huỳnh Bảy	19/08/1930		200708622	u Phố Tân Ph Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3012	22 Trần Thị Em	10/01/1930		270542703	u Phố Tân Ph Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3013	23 Nguyễn Thị Lướt		1931	270541853	u Phố Nông D Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3014	24 Lý Hình Tài	1929		270541798	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3015	25 Nguyễn Thị Phong		1930	270534173	u Phố Nông D Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3016	26 Hà Thị Mão		1930	2724235936	u Phố Tân Ph Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3017	27 Tô Thị Hoa		1930	270495823	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3018	28 Nguyễn Thị Doãn		19/08/1929	270790517	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3019	29 Võ Thị Chường		1931	270495951	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3020	30 Nguyễn Văn Vàng	1930		270495859	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3021	31 Trương Văn Liều	1929		272423881	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3022	32 Nguyễn Chuyền		20/10/1931	272042068	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3023	33 Lê Thị Hà		1931	270541767	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3024	34 Lưu Thị Hơi		1932	270495181	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3025	35 Trần Văn Vong	1932		270155037	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3026	36 Nguyễn Văn Thanh	1932		270495654	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	
3027	37 Lê Đình Thung	1932		270968473	u Phố Cẩm T Người cao tuổi		300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3028	38 Ngô Thị Sai		1932	270495109	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3029	39 Nguyễn Thị Lôi		1932	380643347	u Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3030	40 Nguyễn Thị Lê		1933	270495890	u Phố Nông D	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3031	41 Lê Thị Đã		1933	270541291	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3032	42 Nguyễn Thị Lê		1933	270495860	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3033	43 Nguyễn Thừa	02/03/1933		272030931	u Phố Nông D	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3034	44 Trần Cốc	1933		270495932	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3035	45 Lê Thị Lý		9/20/1933	272496987	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3036	46 Trần Thị Uyên		1934	270542414	u Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3037	47 Trần Thị Uyên		1934	270154652	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3038	48 Nguyễn Văn Đăng	1934		272030953	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3039	49 Phạm Thị Tuyền		17/05/1934	271988988	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3040	50 Nguyễn Thị Dụ		1935	270542579	u Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3041	51 Nguyễn Thị Các		1935	270542471	u Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3042	52 Nguyễn Thị Nhỏ		1935	270542904	u Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3043	53 Nguyễn Thị Mộng		1935	270154627	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3044	54 Nguyễn Thị Ty		1935	270154643	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3045	55 Lê Thị Tư		1935	270154687	u Phố Nông D	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3046	56 Nguyễn Thị Năm		1935	270534176	u Phố Nông D	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3047	57 Võ Thị Tráng		1935	270495674	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3048	58 Hồ Thị Nhóm		10/5/1935	272042181	u Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3049	59 Trần Thị Kim Lang		01/01/1932	271048030	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3050	60 Cao Ngọc Anh	22/10/1935		272042096	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3051	61 Cao Thị Chinh		07/11/1935	270541297	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3052	62 Huỳnh Thị Cài		1929	272516125	u Phố Nông D	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3053	63 Phạm Thị Khen		1936	270541406	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3054	64 Võ Thị Xuân		1936	270541262	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3055	65 Phi Thoại	1936		270495268	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3056	66 Trần Thanh	1936		270495968	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3057	67 Nguyễn Thị Thông		1936	270541181	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3058	68 Khổng Thị Trang		1936	270719995	u Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3059	69 Huỳnh Thị Rợ		1936	270136353	u Phố Nông D	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3060	70 Nguyễn Thị Hoa		1936	272081312	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3061	71 Nguyễn Thị Hánh		03/02/1936	276541112	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3062	72 Nguyễn Thị Y		1936	270495430	u Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3063	73 Võ Thành Công	20/04/1936		272042144	u Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3064	74 Nguyễn Thị Trang		02/08/1936	270542521	Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3065	75 Huỳnh Thị Nở		1928	270543022	Phố Nông D	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3066	76 Phan Thị Huân		1937	270542787	Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3067	77 Tăng Phát Hoàng		1937	270541268	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3068	78 Phan Thị Nhựt		1937	270495795	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3069	79 Cao Thị Kiem		1937	270154805	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3070	80 Quách Thị Thông		1937	270534269	Phố Nông D	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3071	81 Dương Văn Hồ		1937	290968582	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3072	82 Nguyễn Văn Đông	1937		270495521	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3073	83 Nguyễn Hữu Trang	1937		270495809	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3074	84 Đinh Việt Diễn	05/02/1937		270988574	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3075	85 Ngô Ngôn	12/6/1937		270822117	Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3076	86 Nguyễn Thị Xăng		06/10/1937	270542677	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3077	87 Nguyễn Ngọc Quý		01/10/1937	270495956	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3078	88 Phạm Xuân Phi	1934		245320078	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3079	89 Nguyễn Thị Nhỏ		1935	245319384	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3080	90 Nguyễn Thị Nhung		1938	270541092	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3081	91 Hoàng Thị Huệ		1938	270495522	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3082	92 Phạm Thị Vân		1938	272874493	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3083	93 Vũ Thị Phương		1938	270495753	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3084	94 Huỳnh Thị Sâm		1938	272042057	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3085	95 Nguyễn Thị Xinh		1938	270495683	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3086	96 Nguyễn Thị Minh		1938	270968473	Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3087	97 Trần Thị Mươi		1938	272031278	Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3088	98 Khổng Thị Thu Hương		1938	270542993	Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3089	99 Nguyễn Thị Lợi		1938	270534264	Phố Nông D	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3090	100 Hồ Văn Thái	1938		270541227	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3091	101 Nguyễn Thị Nga		03/03/1938	272496784	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3092	102 Nguyễn Ngọc Chi	23/06/1938		270495102	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3093	103 Nguyễn Văn Nhon	12/06/1938		270573709	Phố Tân Ph	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3094	104 Nguyễn Thị Tranh		05/08/1938	270136212	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3095	105 Trần Văn Tư	1930		270479276	Phố Nông D	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3096	106 Trương Công Thành	20/02/1938		270560311	Phố Nông D	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3097	107 Nguyễn Thị Gái		1939	270154631	Phố Nông D	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3098	108 Phạm Thị Nà		1939	270534436	Phố Nông D	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3099	109 Nguyễn Văn Huỳnh	1939		270495058	Phố Cẩm T	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3100	110 Nguyễn Bá Nuôi			270541470	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3101	111 Phạm Thị Ý	1939		270822077	Xã Phố Tân Phú	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3102	112 Mai Thị Khuyên		02/02/1939	271642317	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3103	113 Nguyễn Thị Nhật		05/04/1939	270495072	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3104	114 Nguyễn Văn Giỏi	17/05/1939	10/05/1939	270136791	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3105	115 Nguyễn Thị Thơm		16/07/1939	270495920	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3106	116 Nguyễn Thị Đình		03/08/1939	270542537	Xã Phố Tân Phú	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3107	117 Bùi Thị Út		10/08/1939	272042495	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3108	118 Lê Thị Sinh		01/09/1939	270495634	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3109	119 Nguyễn Văn Toàn	15/09/1939		270541055	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3110	120 Hà Thị Cơ		01/10/1939	270822052	Xã Phố Tân Phú	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3111	121 Nguyễn Thị Quát		1940	270541726	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3112	122 Nguyễn Trúc	1940		270968465	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3113	123 Hồ Thị Thê		1940	270968462	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3114	124 Hoàng Thị Ánh		1940	270416358	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3115	125 Đỗ Thị Bọt		1940	270541345	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3116	126 Nguyễn Hữu An	1940		270541015	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3117	127 Nguyễn Thị Tinh		1940	270154657	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3118	128 Lê Thị Hoa	1940		270154653	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3119	129 Nguyễn Văn Kê		1940	270541064	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3120	130 Nguyễn Thị Đa		1940	270542717	Xã Phố Tân Phú	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3121	131 Thị Thỏ		1940	270540369	Xã Phố Tân Phú	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3122	132 Nguyễn Thành Đường	11/01/1940		270542501	Xã Phố Tân Phú	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3123	133 Nguyễn Thị Bù		1940	270154685	Xã Phố Nông D	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3124	134 Nguyễn Thị Nhi		1940	270541380	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3125	135 Nguyễn Thị Kính	12/02/1940		272030932	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3126	136 Lê Thị Phương		1940	270542652	Xã Phố Tân Phú	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3127	137 Lê Văn Thành	03/04/1940		272042093	Xã Phố Cầm	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3128	138 Trần Thị Xuân Nhi		13/11/2010		Khu Phố Cầm	Trẻ em mồ côi dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3129	139 Nguyễn Tuấn Đạt	04/12/2004		276007909	Xã Phố Cầm	Trẻ em mồ côi dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3130	140 Lê Đăng Quynh Như		09/05/2004		Khu Phố Cầm	Trẻ em mồ côi dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3131	141 Lê Hoàn Quân	20/10/2007		272723417	Xã Phố Cầm	Trẻ em mồ côi trên 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3132	142 Nguyễn Thanh Tín	06/08/2000		272753395	Xã Phố Cầm	Trẻ em mồ côi trên 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3133	143 Hồ Quốc Huy	10/02/1999		272813053	Xã Phố Cầm	Trẻ em mồ côi trên 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3134	144 Lê Hoàng Long	29/04/2001		272872580	Xã Phố Cầm	Trẻ em mồ côi trên 16 tuổi	450.000	1.500.000	
3135	145 Cao Tuấn Khanh	20/01/2002			Xã Phố Cầm	Trẻ em mồ côi trên 16 tuổi	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				T trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3136	146 Hứa Thị Bích Tâm		1986	Không làm	Phố Nông D	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3137	147 Lương Thị Hồng Yến		07/03/1988	272450778	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3138	148 Võ Thanh Long	27/09/1992		Không làm	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3139	149 Lê Thị Trúc Giang		1989	272042209	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3140	150 Huỳnh Công Bình	1986		271988173	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3141	151 Nguyễn Ngọc Tấn	1971		272047979	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3142	152 Trần Thị Thủy Trang		1976	Không làm	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3143	153 Trần Thanh Linh	1973		271257772	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3144	154 Nguyễn Văn Việt	14/03/1961		270495961	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3145	155 Hồ Thị Mai		27/06/1986	271703677	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3146	156 Nguyễn Văn Ngọc	11/03/1961		270652089	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3147	157 Trần Văn Thanh	1964		270495140	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3148	158 Nguyễn Thị Thu		1979	Không làm	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3149	159 Huỳnh Công Hoài	05/02/1980		271355482	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3150	160 Đinh Tới	08/07/1990		272081622	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3151	161 Trần Hữu Thanh	15/04/1962		270495549	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3152	162 Hồ Thị Ngọc Liễu		04/11/1969	270827626	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3153	163 Nguyễn Thị Hồng Hạnh		10/12/1962	272204217	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3154	164 Đỗ Cao Vinh	08/02/1976		271310023	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3155	165 Nguyễn Tào	1961		270542912	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3156	166 Nguyễn Thanh Hưng	29/03/1964		270639459	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3157	167 Nguyễn Hữu Tài	1982		Không làm	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3158	168 Hồ Thị Hạnh		20/09/1988	271806718	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3159	169 Trần Việt Nữ Khanh An		25/05/1994	Không làm	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3160	170 Trần Kim Loan		1966	272042801	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3161	171 Trần Văn Trang	10/05/1964		270541261	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3162	172 Lê Mười	19/08/1974		271172194	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3163	173 Lê Anh Dũng	06/07/1997		272558304	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3164	174 Nguyễn Trần Xuân Luân	26/06/1997		Không làm	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3166	176 Phạm Văn Hùng	01/03/1968		270878761	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3167	177 Võ Thị Hồng		04/10/1983	271591336	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3168	178 Hoàng Thị Tươi		01/12/1959	270459394	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3169	179 Thái Ngọc Minh Tâm	01/01/1998		Không làm	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3170	180 Trần Đình Lộc	5/20/1967		270790326	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3171	181 Ngô Tài	2/23/1982		271591502	Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3172	182 Nguyễn Minh Tuấn	9/16/1987		272671487	Phố Nông D	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3173	Võ Thị Cẩm Tú		1986	271703707	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3174	Nguyễn Sỹ Huy Tùng	11/08/1999		272836818	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3176	Thị Quỳnh Anh		2/10/1986	271703625	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3177	Nguyễn Văn Thanh	12/12/1964		270495074	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3178	Lương Ngọc Quang	6/20/1972		270968632	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3179	Nguyễn Thị Kim Phương		3/5/1992	272109563	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3180	Trịnh Minh Thái	1969		Không làm	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3181	Bùi Thị Diễm		04/10/1966	270790210	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3182	Vũ Văn Luận	1970	1986	272003761	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3183	Lê Thị Mỹ Chi		11/08/1967	270968368	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3184	Huỳnh Huy Tiến	23/12/1983		271678901	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3185	Nguyễn Văn Ngọc	20/01/1990		272134076	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3186	Lê Thị Phương Hạnh		10/02/1980	271405310	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3187	Cao Thị Diễm		1969	271897828	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3188	Nguyễn Thanh Lâm	10/02/1982		271573224	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3190	Phạm Thị Thủy		12/12/1979	271335088	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3191	Phạm Thê Mãnh	15/05/1980		271404002	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3192	Huỳnh Nhật Huy	16/11/1981		271463826	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3193	Trần Hữu Văn	30/12/1962		272003806	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3194	Nguyễn Hữu Tâm	1967		272047802	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3195	Phạm Thị Trang		19/08/1985	271624395	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3196	Trần Thị Quyển		12/10/1964	270495303	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3197	Trần Thị Hồng Trinh		27/03/1989	271835959	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3198	Nguyễn Văn Minh	12/01/1965		270550111	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3199	Lê Minh Chánh	25/10/1966		271897269	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3200	Lê Tuấn Thành	12/12/2002		272905303	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3201	Trương Hoàng Phúc	20/12/1975		2711164229	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3202	Nguyễn Văn Nôn	1961		270541301	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3203	Trần Thị Thủy		1967	270790364	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3204	Đỗ Tấn Bích	04/06/1971		272042254	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3205	Trương Văn Phụng	28/03/1966		270790735	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3206	Tao Minh Tài	28/07/2003		276034372	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3207	Thị Diễm		1951	270572536	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3208	Lê Thị Nhắc		02/09/1952	00562098	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3209	Nguyễn Thị Sớm		1949	271404336	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3210	Đào Thị Nga		18/04/1948	270495990	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3211	221 Phan Thị Xé		1940	270541461	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3212	222 Lưu Tư Khai	20/04/1939		270651521	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3213	223 Nguyễn Thị Châm		12/02/1918	270326539	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3214	224 Ngô Văn Thiệt	1953		270495733	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3215	225 Cao Quang Tuấn	19/12/1948		272042084	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3216	226 Vũ Mông Hoàng	08/08/1950		270790402	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3217	227 Nguyễn Thanh Xuân	20/08/1946		270542442	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3218	228 Nguyễn Kiên	20/04/1953		272042079	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3219	229 Trần Thị Nhan		02/12/1952	270541601	u Phố Nông D	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3220	230 Hoàng Thị Ty		10/04/1952	270495325	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3221	231 Vũ Thị Sưu		1938	270154708	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3222	232 Hoàng Minh Đức	03/04/1951		270495717	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3223	233 Lê Thị Hải		1930	270543010	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3224	234 Nguyễn Văn Châu	17/05/1954		270495832	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3225	235 Nguyễn Văn Tấn	1954		270542929	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3227	237 Dương Thị Nho		7/12/1953	270541537	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3228	238 Nguyễn Văn Cảnh	28/02/1955		270790366	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3229	239 Lê Thị Châu		10/11/1943	272042135	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3230	240 Lê Thị Long		1937	272042090	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3231	241 Phạm Văn Lý	1937		270541270	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3232	242 Nguyễn Thị Trúc		1941	270541468	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3233	243 Lâm Thị Phi		1936	272042003	u Phố Nông D	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3234	244 Phan Văn Thịnh	8/15/1954		271806226	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3235	245 Trần Thị Nhũ		1950	270776715	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3236	246 Đỗ Thị Ngọc Suong		1955	272042175	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3237	247 Nguyễn Thị Phòng		1945	270154799	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3238	248 Đặng Văn Nengah	1958		270543018	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3239	249 Lê Chiên	02/03/1958		272137914	u Phố Nông D	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3240	250 Nguyễn Thị Tâm		1928	270968511	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3241	251 Nguyễn Thị Nhung		03/11/1933	270495780	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3242	252 Nguyễn Văn Hương	1941		270541135	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3243	253 Lê Phùng Văn	26/07/1956		271119189	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3244	254 Nguyễn Thị Thach		1958	270968742	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3245	255 Trần Ngọc Anh	07/05/1929		270541583	u Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3246	256 Lê Thị Lý		1937	270542916	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3247	257 Nguyễn Văn Đức	01/01/1943		270570462	u Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3249	Kiểu Văn Tân	10/06/1950		270790633	Xã Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3250	Huỳnh Văn Bá	1935		272549234	Xã Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3251	Hoàng Minh Châu	21/03/1959		270495392	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3252	Nguyễn Công Nỳ	1956		205349956	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3253	Phạm Thị Huệ		12/05/1959	270542817	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3254	Nguyễn Thị Nữ		04/06/1959	272396836	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3255	Trần Ngọc Thành	1935		272707139	phố Nông D	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3256	Nguyễn Minh Trí			270541876	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3257	Nguyễn Thị Tuyết Trung	13/01/1956		270541771	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3258	Phạm Thị Gái		1930	270567372	Phố Nông D	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3259	Thổ Huyền		15/03/1949	271554473	Phố Nông D	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3260	Trần Quang Luyện	12/09/1950		270651700	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3261	Trần Thị Ngọc			270542624	Xã Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3262	Nguyễn Văn Hải	15/01/1949		270542429	Xã Phố Tân Ph	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3263	Trương Hoàng Sơn	1960		270968557	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3264	Nguyễn Hoàng Văn Khánh		20/11/2004		Khu Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
3265	Võ Anh Khoa	22/03/2006			Khu Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3266	Nguyễn Hữu Tài	1/7/2006			Khu Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3267	Nguyễn Phương Trân		18/06/2014		Khu Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3268	Kiểu Bảo Nghi		05/12/2011		Khu Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3269	Nguyễn Quốc Nam	07/05/2008			Khu Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3270	Ôn Bảo Ngọc		02/04/2018		Khu Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3271	Nguyễn Phi Anh	27/09/2005			Khu Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3272	Nguyễn Hoàng Đăng Khôi	05/03/2011			Khu Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3273	Trần Thị Huyền Trang		29/04/2012		Khu Phố Cẩm T	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
3274	Nguyễn Thị Ngọc Dung		15/04/1970	272204004	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3275	Võ Lê Thủy		25/05/1968	272042089	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3276	Lương Anh Tuấn	18/06/1990		Không làm	Xã Phố Tân Ph	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3277	Lai Thị Tuyết Lan		06/01/1960	270560208	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3278	Châu Thị Ngọc Diệp		1987	271850356	Phố Nông D	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3279	Phạm Thanh Vũ	15/02/1976		272451437	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3280	Phạm Thanh Tuấn	16/10/1972		271988960	Xã Phố Tân Ph	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3281	Lê Văn Mạnh	18/04/1997		Không làm	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3282	Thị Thùy Dương		11/01/1991	272255180	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3283	Lý Vĩnh Hùng	1985		Không làm	Xã Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3284	Trần Đức Dũng	27/09/1976		Không làm	Xã Phố Tân Ph	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3285	295 Nguyễn Thị Hoa		1962	270790246	Phố Tân Ph	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3286	296 Qùy Minh	25/09/1993		025315655	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3287	297 Trương Văn Tiên	1989		271850405	Phố Nông D	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3288	298 Nguyễn Chí Hiếu	29/06/1988		Không làm	Phố Nông D	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3289	299 Nguyễn Duy Phương	20/08/1982		271450728	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3290	300 Nguyễn Thị Lệ		1961	Không làm	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3291	301 Nguyễn Tấn Lộc	14/05/1984		271713740	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3292	302 Võ Thị Lệ Thủy		1988	272587834	Phố Tân Ph	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3293	303 Hoàng Minh Báu	1966		270790734	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3294	304 Cao Thị Thanh Thương		20/08/2000	Không làm	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3295	305 Mai Thị Danh		21/01/1959	270542761	Phố Tân Ph	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3296	306 Ngô Thị Thủy		1960	272042241	Phố Tân Ph	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3297	307 Huỳnh Chí Cường	1986		Không làm	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3298	308 Phan Văn Hòa	05/10/1976		273653404	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3299	309 Vũ Duy Linh	09/09/1979		271297887	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3300	310 Hồ Thị Thanh Lũy		13/01/1968	272905114	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3301	311 Nguyễn Thị Mai		1950	Mất CMND	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3302	312 Nguyễn Thị Mai		1926	Mất CMND	Phố Tân Ph	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3303	313 Trần Văn Mừng	1920		270542657	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3304	314 Đặng Thị Chất		1938	272042097	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3305	315 Đinh Thị Can		1930	270495271	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3306	316 Hoàng Ym	1933		270495326	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3307	317 Nguyễn Thị Sen		23/03/1953	270154609	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3308	318 Đặng Văn Vinh	12/23/1950		020330346	Phố Nông D	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3309	319 Nguyễn Văn Phúc	1956		270495467	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3310	320 Nguyễn Thị Lý		05/02/1955	273686752	Phố Nông D	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3311	321 Hà Thị Bé		1933	270495415	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3312	322 Phan Hữu Tuấn	1958		Không làm	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3313	323 Hồ Thị Thành		1937	270541157	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3314	324 Võ Thị Phước		1933	270541085	Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3315	325 Nguyễn Thị Kim		06/06/1916	270527688	Phố Tân Ph	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
3316	326 Vũ Hà Mỹ		01/07/2006		Khu Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3317	327 Trần Nguyễn Thiên Nhân	20/12/2008			Khu Phố Cẩm T	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3318	328 Trần Huỳnh Mỹ		21/02/2011		Khu Phố Nông D	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
3319	1 Nguyễn Thị Dành		1/1/1916	272723226	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3320	2 Nguyễn Trọng Liêm	20/11/1919		270527391	Tho An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3321	3 Võ Đức	1/5/1923		270551991	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3322	4 Nguyễn Thị Thiệu		2/5/1925	191080203	Bầu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3323	5 Nguyễn Chon	1/1/1925		260055003	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3324	6 Trần Thị Hương		6/3/1926	160321295	Bầu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3325	7 Nguyễn Thị Chân		2/8/1926	271388089	Bầu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3326	8 Phạm Thị Cấn		2/9/1930	270527007	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3327	9 Tạ Văn Oanh	1/1/1930		272450971	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3328	10 Hồ Thị Hoàng		10/4/1938	272707193	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3329	11 Cao Văn Mạnh	1/1/1930		270527230	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3330	12 Nguyễn Thị Ó		1/3/1930	270572296	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3331	13 Nguyễn Văn Lợi	1/1/1931		270960171	Bầu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3332	14 Nguyễn Đức Bất	15/5/1930		270960274	Bầu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3333	15 Lê Thị Khang		1/1/1927	272003014	Bầu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3334	16 Võ Thị Giá		1/1/1930	270960010	Bầu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3335	17 Trần Thị Kim Cẩn	1/1/1927		250032541	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3336	18 Nguyễn Văn Có	1/1/1932		270565167	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3337	19 Lý Gi Pầu		1/1/1926	270527252	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3338	20 Lương Thị Trâm		1/1/1932	160084716	Bầu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3339	21 Phạm Hoàng	1/1/1932		272549129	Bầu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3340	22 Phạm Thị Yên		1/1/1932	272497157	Bầu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3341	23 Mã Thị Năm		8/3/1932	270552460	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3342	24 Nguyễn Thị Bồng		1/1/1932	272003803	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3343	25 Trương Thị Minh		1/1/1931	270585329	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3344	26 Lê Thị Ngọn		1/1/1930	270537258	Lác Chiểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3345	27 Nguyễn Thị Nhanh		1/1/1933	270551883	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3346	28 Nguyễn Thị Nơ		1/1/1933	272549190	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3347	29 Phan Thị Kỳ		1/1/1933	272707610	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3348	30 Nguyễn Thị Đào		1/1/1933	272528148	Bầu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3349	31 Hồ Thị Chay		1/1/1933	272255395	Bầu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3350	32 Nguyễn Văn Phúc	1/1/1933		271988302	Bầu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3351	33 Trinh Hè	1/1/1933		272003827	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3352	34 Quang Văn Yên	1/1/1933		270822560	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3353	35 Trần Thị Uy	1/1/1933		271046489	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3354	36 Nguyễn Đình Kim	10/10/1933		271229838	Bầu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3355	37 Nguyễn Thị Et		1/1/1932	272707932	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3356	38 Mọi Thị Cúc		26/11/1933	270527305	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/hệ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3357	Trần Thùng	1/1/1934		271118790	18 Gia Định	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3358	Nguyễn Đình Liễu	1/1/1934		270527195	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3359	Nguyễn Thị Huyền		1/1/1934	272235951	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3360	Nguyễn Thị Lê		1/1/1934	270960042	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3361	Phạm Thị Hơi		1/1/1934	270960027	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3362	Trần Thị Chín		1/1/1934	272634375	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3363	Phan Thị Mỹ		1/1/1933	270960060	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3364	Nguyễn Văn Tâm	1/1/1930		320281638	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3365	Trương Văn Hữu	1/1/1930		270822436	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3366	Nguyễn Yên	9/7/1934		270527403	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3367	Phạm Thị Yên		7/10/1934	272081147	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3368	Nguyễn Thị Tiên		1/1/1935	270583258	Lắc Chiếu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3369	Nguyễn Thị Lý		17/1/1935	270526947	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3370	Nguyễn Thị Kiên		1/1/1935	272671263	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3371	Nguyễn Thị Nghiễm		1/1/1935	270983892	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3372	Hồ Thị Thường		1/1/1935	272255692	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3373	Nguyễn Đức Mót	1/1/1935		270320876	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3374	Vân Thị Gái		1/1/1929	272707612	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3375	Trần Công Kiên	1/1/1935		270983896	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3376	Đoàn Thị Lạc		17/1/1935	271988086	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3377	Đinh Thị Xi		1/1/1935	270690017	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3378	Mai Thị Thêm		1/1/1935	270960889	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3379	Nguyễn Thị Bương		2/3/1935	271988066	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3380	Lê Giảng	10/4/1935		270960211	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3381	Hoàng Côn	20/6/1935		270527163	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3382	Trình Ngọc Sư	3/8/1935		272790283	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3383	Trình Thị Hoa		19/9/1935	270960801	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3384	Lê Thị Diệu		18/9/1935	270527114	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3385	Trần Văn Tây	20/2/1934		272255834	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3386	Võ Văn Dũ	2/10/1935		272752376	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3387	Nguyễn Ngọc Trà	30/9/1933		270960289	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3388	Nguyễn Thị Còn		1/1/1936	272003176	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3389	Trần Văn Bé	1/1/1936		270565329	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3390	Lê Thị Cẩm		2/1/1936	270558950	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3391	Phạm Văn Dành	12/1/1936		270690056	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3392	Nguyễn Văn Kỳ	1/1/1936		271426081	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3393	75 Nguyễn Kỳ	1/1/1936		272752345	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3394	76 Nguyễn Thị Hồng		15/2/1936	272752346	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3395	77 Trương Văn Phi	1/1/1936		272614529	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3396	78 Nguyễn Thị Đào		20/2/1936	272671214	Lác Chiểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3397	79 Nguyễn Thị Mươi		1/1/1936	272790483	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3398	80 Hoàng Công Hách	10/4/1936		024515141	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3399	81 Lê Thị Thái		1/1/1924	272752249	Lác Chiểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3400	82 Huỳnh Hưot	15/4/1936		271113210	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3401	83 Võ Thị Bộc		1/1/1936	270297149	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3402	84 Lê Thị Năng		1/1/1935	272790419	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3403	85 Nguyễn Thị Thảo		12/7/1936	270960288	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3404	86 Nông Văn Ý	10/7/1936		272790285	Lác Chiểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3405	87 Huỳnh Thị Dung		4/3/1936	271988067	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3406	88 Lê Hồng	20/8/1931		272634965	Áp Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3407	89 Nguyễn Thị Sâm		30/9/1933	272614768	Lác Chiểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3408	90 Nguyễn Thị Hòa		1/1/1934	272707327	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3409	91 Thị Dân		1/1/1936	270550896	Lác Chiểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3410	92 Tăng Văn Hoàng	1/1/1937		272163305	18 Gia Đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3411	93 Đỗ Thị Phán		1/1/1937	272836563	18 Gia Đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3412	94 Nguyễn Thị Chuyên		1/1/1937	272042263	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3413	95 Võ Văn Sơn	30/12/1936		272813074	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3414	96 Nguyễn Thị Tô		1/1/1937	270960378	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3415	97 Đỗ Xuân Lai	1/1/1937		270690006	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3416	98 Lê Ngọc Sương	1/1/1937		270526995	Tho An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3417	99 Bùi Thị Tr		1/1/1937	270551985	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3418	100 Nguyễn Thị Hương		1/1/1937	270527049	Tho An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3419	101 Phùng Thị Đới		1/1/1937	272204589	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3420	102 Nguyễn Tri Sơn	5/2/1937		270669991	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3421	103 Nguyễn Đăng Tào	1/3/1937		271988969	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3422	104 Lê Xuân Tạo	1/3/1937		271975366	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3423	105 Nguyễn Thị Quý		4/4/1937	270983921	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3424	106 Huỳnh Bế	2/4/1937		270539068	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3425	107 Huỳnh Ngọc Quang	12/5/1937		271046487	Tho An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3426	108 Đinh Văn Đi	7/7/1937		270552367	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3427	109 Vỹ Văn Khoa	14/7/1937		270138595	Lác Chiểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3428	110 Bùi Thị Kỳ		12/8/1937	210300682	Bàu Cối	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
3429	111 Đỗ Thị The		30/9/1937	270527129	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3430	112 Nguyễn Thị Châu		9/1/1937	271988202	Bàu Cốt	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3431	113 Nguyễn Thị Châu		10/5/1937	271988694	Bàu Cốt	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3432	114 Nguyễn Rữ		1/1/1935	270527519	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3433	115 Văn Thị Thư		12/10/1937	271988096	Bàu Cốt	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3434	116 Văn Thị Hết		10/20/1937	270822327	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3435	117 Phạm Thị Diệu		1/1/1928	270690109	Bàu Cốt	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3436	118 Lê Thị Cúc		1/1/1934	2705781957	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3437	119 Hoàng Thị Sung		1/1/1938	270515594	Bàu Cốt	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3438	120 Trương Thị Nêhê		1/1/1938	271988263	Bàu Cốt	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3439	121 Ngó Thị Thằng		1/1/1938	270540301	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3440	122 Bùi Thị Bảy		1/1/1938	272451020	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3441	123 Nguyễn Văn Thanh		1/1/1938	272253780	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3442	124 Nguyễn Thị Hoa		1/1/1938	270527461	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3443	125 Nguyễn Rữ		1/1/1938	272752624	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3444	126 Nguyễn Thị Năm		1/1/1938	271631805	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3445	127 Lê Thị Tâm		1/1/1938	271988248	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3446	128 Võ Thị Liên		3/2/1938	270551926	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3447	129 Nguyễn Thị Chèo		1/5/1938		18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3448	130 Nguyễn Văn Hai		1/1/1934	270527343	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3449	131 Mai Thị Đào		20/8/1938	272906209	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3450	132 Nguyễn Thị Vân		27/8/1938	270538293	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3451	133 Nguyễn Thanh Ba		30/10/1938	271988292	Bàu Cốt	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3452	134 Đinh Thị Hồng		6/8/1938	271806168	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3453	135 Nguyễn Thị Lưu		1/1/1939	270690052	Bàu Cốt	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3454	136 Nguyễn Thị Nây		1/1/1939	270360468	Bàu Cốt	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3455	137 Phạm Thị Tri		1/1/1939	271388233	Bàu Cốt	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3456	138 Nguyễn Thị Rê		1/1/1939	271988351	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3457	139 Trần Ánh Hồng		1/1/1939	272558673	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3458	140 Hà Thị Tâm		1/1/1939	271338095	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3459	141 Nguyễn Thị Dệt		1/1/1939	270527023	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3460	142 Huỳnh Hạnh		1/1/1939	270527487	Thọ An	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3461	143 Nguyễn Phú Phong		15/7/1938	271631798	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3462	144 Vương Thị Nhi			272671198	Ruộng Tre	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3463	145 Hồ Thị Dơ		1/1/1939	272960497	18 Gia đình	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3464	146 Lê Thị Tâm		1/2/1939	271988123	Lắc Chểu	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	